

Bản án số: **29/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày: 10/6/2020  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Huỳnh Thị Kim Phụng**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **1. Bà Trần Thị Kim Tân**

**2. Bà Vũ Thị Đượm**

**- Thư ký phiên tòa:** **Bà Nguyễn Thị Kim Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** **Bà Nguyễn Phương Dung** - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **656/2019/TLST-HNGĐ** ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: **Chị Bùi Thị Thu T**, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Số 256, ấp Trảng Táo, xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

\* Bị đơn: **Anh Lý Quang V**, sinh năm 1993 (vắng mặt)

HKTT: Tổ 2, ấp Tân Hưng, xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Gia Ui, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/09/2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Bùi Thị Thu T** trình bày:

Chị và anh **Lý Quang V** tự nguyện tìm hiểu yêu thương và đăng ký kết hôn năm 2018 tại UBND xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, trước đó

anh chị chưa ai có vợ có chồng.

Nguyên nhân mâu thuẫn do anh V sống thiếu trách nhiệm với vợ con, thường xuyên tụ tập bạn bè, không chịu lao động, sử dụng ma túy dẫn đến vợ chồng gây gổ xúc phạm lẫn nhau. Tình cảm vợ chồng ngày một rạn nứt, kéo dài đến tháng cuối năm 2019 chị T về nhà cha mẹ ruột sinh sống, hai vợ chồng ly thân kể từ đó cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh V.

Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Lý Nhật M, sinh ngày 10.10.2018 hiện cháu còn nhỏ đang được chị nuôi dưỡng, sau khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lý Quang V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 16/01/2020 tại địa phương cho biết: chị Bùi Thị Thu T và anh Lý Quang V là vợ chồng và có 01 người con là Lý Nhật M, sinh ngày 10/10/2018, vợ chồng anh V và chị T hiện nay không sống chung với nhau, còn nguyên nhân mâu thuẫn gia đình của chị T, anh V địa phương không nắm rõ.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án.**

1/ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng quy định.

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị T khởi kiện tranh chấp ly hôn và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là: “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn với bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp Tân Hưng, xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về tư cách tố tụng: Chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh V, xác định chị T là nguyên đơn, anh V là bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ viện kiểm sát, tổng đạt các văn bản tố tụng, xác minh, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

2/ Về việc tuân theo pháp luật của HĐXX và thư ký tại phiên tòa: Thực hiện đúng quy định.

3/ Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã

thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

4/ Về ý kiến giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh V chung sống từ năm 2018 có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Thậm chí Anh V nghiện ngập không lo làm ăn, thường xuyên tụ tập bàn bè. Anh chị không còn sống chung với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập anh V nhiều lần nhưng anh V cố tình vắng mặt, không có lời khai hay trình bày gì, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh V là phù hợp với Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận yêu cầu nguyên đơn.

Tại biên bản xác minh của Công an xã Xuân Thành xác nhận: anh V có đăng ký thường trú tại địa phương nhưng nay đã chuyển đến Xuân Tâm sống.

Tại biên bản xác minh của Công an xã Xuân Tâm xác nhận: anh V có đang sinh sống tại địa phương, tình trạng hôn nhân thì nay vợ chồng anh V và chị T không còn sống chung với nhau nữa.

Về con chung: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao các cháu Lý Nhật Minh, sinh ngày 10/10/2018 cho chị T nuôi dưỡng, tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Vinh.

Về tài sản chung và nợ chung: do anh V không có lời khai hay lời trình bày gì nên không giải quyết.

Bởi các lẽ trên: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Thu T, chị T được ly hôn với anh Lý Quang V.

Về con chung: giao cháu Lý Nhật M, sinh ngày 10/10/2018 cho chị Bùi Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lý Quang V.

Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

5/ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: không có.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Lý Quang V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lý Quang V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị Thu T khởi kiện xin ly hôn với anh Lý

Quang V, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[3]** Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa chị Bùi Thị Thu T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn đối với anh Lý Quang V. Xét yêu cầu khởi kiện của chị T Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Bùi Thị Thu T kết hôn với anh Lý Quang V trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào 2018 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do anh V thiếu sự quan tâm đối với gia đình, thường xuyên ăn nhậu với bạn bè, sử dụng ma túy, dẫn đến vợ chồng gây gổ và đánh đập nhau. Đến năm 2019 chị T về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng ly thân từ đó, anh V cũng không gặp chị T để hàn gắn đoàn tụ.

Riêng anh V không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai và cung cấp chứng cứ theo quy định.

Xét cuộc hôn nhân giữa chị T và anh V tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận cho chị Bùi Thị Thu T được ly hôn với anh Lý Quang V là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

**[4]** Về con chung: chị Bùi Thị Thu T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lý Nhật Minh, sinh ngày 10/10/2018 đến tuổi trưởng thành. Xét thấy hiện cháu Minh đang do chị T nuôi dưỡng, cháu Minh còn nhỏ, hiện cuộc sống đã ổn định. Nghĩ nên tiếp tục giao cháu cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

**[5]** Về tài sản chung: chị T không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

**[6]** Về nợ chung: chị T khai không có.

**[7]** Về án phí: áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chị Bùi Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

**[8]** Xét quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lý trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thu T đối với anh Lý Quang V về việc “Ly hôn”. Cho chị Bùi Thị Thu T được ly hôn với anh Lý Quang V.

**2. Về con chung:** Giao các cháu Lý Nhật M, sinh ngày 10/10/2018 cho anh Bùi Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Lý Quang V.

Anh Lý Quang V được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, anh V và chị T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** không giải quyết.

**4. Về án phí:** chị Bùi Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0003405 ngày 10/12/2019.

Chị Bùi Thị Thu T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lý Quang V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã Xuân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Kim Phượng**